

Số: 1418/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 16 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”
tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 30/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BNNPTNT-BCT-BTTTT ngày 12/12/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương và Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 59/TTr-LĐTBXH ngày 19/4/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 29/9/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ LĐTBXH (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các Đoàn thể tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP. UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VX, TH, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hòa Hiệp

ĐỀ ÁN

“Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” tỉnh Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 16/5/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Phần I

CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014;

Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Thông tư liên tịch số 112/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/7/2010 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” ban hành theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Thông tư liên tịch số 30/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BNNPTNT-BCT-BTTTT ngày 12/12/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;

Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ sơ cấp;

Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên.

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Qua 05 năm (2011 - 2015) triển khai thực hiện Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 29/9/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” tỉnh Đồng Nai; Đề án đã hỗ trợ và giúp lao động nông thôn hiểu rõ hơn mối quan hệ giữa học nghề và việc làm, chủ động lựa chọn nghề nghiệp để học phù hợp với năng lực, điều kiện gia đình, gắn với nhu cầu phát triển kinh tế, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao

động. Người học nghề đã tiếp thu và vận dụng kiến thức đã học vào nghề nghiệp của mình, nhằm giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động, tạo việc làm tại chỗ hoặc có khả năng tạo ra những việc làm mới, có nhiều cơ hội làm việc tại các cơ sở sản xuất và các doanh nghiệp tại địa phương, qua đó nâng cao thu nhập cho bản thân và gia đình, ổn định cuộc sống, góp phần vào phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển kinh tế của đất nước nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng, những quy định của Đề án đã phát sinh nhiều hạn chế, bên cạnh đó nhiều chính sách của Đảng và Nhà nước đã thay đổi. Vì vậy, việc ban hành Đề án thay thế Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 tỉnh Đồng Nai là cần thiết.

Phần II

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

1. Trong 05 năm (2011 - 2015) đã tổ chức chiêu sinh và dạy nghề cho 41.838 lao động nông thôn với tổng số kinh phí thực hiện là 93.150 triệu đồng, trong đó có 20.103 người học nghề phi nông nghiệp chiếm 48,05% và 21.735 người học nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp chiếm 51,95%.

2. Tỷ lệ có việc làm sau khi học nghề của các khóa đạt trên 80%. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo ở khu vực nông thôn từ 47% cuối năm 2011 lên 54% cuối năm 2015 (trong đó qua đào tạo nghề 40%).

3. Góp phần vào chương trình xây dựng nông thôn mới, trong đó tập trung vào 34 xã chọn làm điểm xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt tiêu chí do ngành lao động - thương binh và xã hội phụ trách). Cụ thể qua 05 năm (2011 - 2015) 34 xã điểm đã giải quyết việc làm cho 35.704 người với kinh phí hỗ trợ 32.879 triệu đồng; đào tạo nghề cho 9.470 người từ nguồn kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn với số tiền là 16.810 triệu đồng và hỗ trợ cho 16.589 hộ nghèo với tổng số tiền là 97.960 triệu đồng từ các nguồn của chương trình giảm nghèo.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

a) Công tác tuyên truyền làm chuyển biến nhận thức đến các cấp, các ngành đối với Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn và người lao động nông thôn cũng thay đổi suy nghĩ, nhận thức rõ về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc học nghề, để lựa chọn nghề theo học phù hợp với khả năng và điều kiện gia đình.

b) Các địa phương đã tổ chức rà soát, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chính sách, dự án và các hoạt động của chương trình theo kế hoạch đề ra, đảm bảo đúng thời gian, đúng quy định, Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã nhận được sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân, cơ quan nhà nước, đoàn thể quần chúng và sự ủng hộ của các tổ chức kinh tế trong và ngoài tỉnh, nhờ vậy đã huy động được các nguồn lực, nhất là phát huy được tiềm năng, thế mạnh về lao động, đất đai, tiền vốn, cơ sở vật chất, khoa học kỹ thuật...

c) Công tác giải quyết việc làm cho người lao động nông thôn có nhiều chuyển biến tích cực, người lao động đã chủ động trong việc đăng ký học nghề và tìm việc làm. Việc cho vay vốn giải quyết việc làm tại chỗ đã góp phần ổn định việc làm cho lao động nông thôn, người có thu nhập thấp, lao động vùng sâu vùng xa và người dân tộc thiểu số. Mức vốn và thời hạn cho vay ngày càng tăng tạo điều kiện cho người vay vốn chủ động đầu tư, phát triển sản xuất, có đủ điều kiện để hoàn trả vốn vay.

2. Những tồn tại, hạn chế

a) Công tác vận động tuyên truyền lao động nông thôn tham gia học nghề ở một vài địa phương chưa hiệu quả, việc lồng ghép và gắn kết chặt chẽ chưa đồng bộ, hiệu quả từ các chương trình, dự án, đề án như: Xây dựng nông thôn mới, vay vốn, khuyến công, khuyến nông, giảm nghèo... đã tác động đến một số bộ phận lao động nông thôn chưa thấy được lợi ích và quan trọng của việc học nghề, để áp dụng kiến thức, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh tại địa bàn đang sinh sống.

b) Người lao động nông thôn nói chung, một số gia đình là hộ nghèo nói riêng chưa nỗ lực phấn đấu vươn lên, còn trông chờ ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và cộng đồng; đội ngũ cán bộ làm công tác đào tạo nghề thường xuyên bị thay đổi, nhất là ở cấp xã và đa số cán bộ là kiêm nhiệm nên chưa chuyên sâu, nghiên cứu về lĩnh vực dạy nghề, dẫn đến gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các chế độ, tư vấn nghề nghiệp để người lao động chọn nghề phù hợp với khả năng.

c) Công tác giải quyết việc làm mất cân đối về cung - cầu lao động kỹ thuật vẫn chưa được khắc phục, nhất là lao động kỹ thuật cao. Trên địa bàn tỉnh còn nhiều địa phương chưa có khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoặc có khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhưng chưa thu hút nhiều doanh nghiệp vào đầu tư và tuyển dụng lao động tại địa phương, nên việc chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn đi làm việc tại các doanh nghiệp ở khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoặc phát triển dịch vụ, kinh doanh còn hạn chế.

Phần III

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Quan điểm

a) Đào tạo nghề cho lao động nông thôn của tỉnh Đồng Nai là nghĩa vụ, trách nhiệm của Đảng bộ, chính quyền tỉnh Đồng Nai, của hệ thống chính trị và xã hội từ cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, nhằm nâng cao chất lượng lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Chính quyền các cấp phải tăng cường đầu tư kinh phí theo quy định của Nhà nước, để phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn, bảo đảm thực hiện công bằng xã hội về cơ hội học nghề cho mọi lao động nông thôn; khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để xã hội hóa đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

b) Học nghề là quyền lợi và nghĩa vụ của lao động nông thôn nhằm tạo việc làm, chuyên nghề, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

c) Thực hiện đào tạo theo nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, nhu cầu sử dụng lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đáp ứng nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và giảm nghèo bền vững.

d) Đổi mới và phát triển đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo; tạo điều kiện thuận lợi để lao động nông thôn được học nghề phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế, đáp ứng yêu cầu hội nhập và từng bước tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới. Cơ sở tham gia đào tạo nghề phải có đủ điều kiện, được phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp; không tổ chức đào tạo nghề khi chưa dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập của người lao động sau khi học.

đ) Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã, tạo sự chuyển biến sâu sắc về chất lượng, hiệu quả, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đủ tiêu chuẩn chức danh, nâng cao chuyên môn, trình độ, nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội ở xã, phường, thị trấn phục vụ cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung:

Nâng cao chất lượng hiệu quả trong công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập của lao động nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý hành chính, quản lý điều hành kinh tế - xã hội và thực thi công vụ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Tổ chức triển khai dạy nghề cho lao động nông thôn:

+ Giai đoạn 2016 - 2020 đào tạo nghề cho 20.000 người, bình quân 4.000 người/năm.

+ Sau học nghề, có ít nhất 80% số người học nghề có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn.

- Tổ chức đào tạo cho cán bộ, công chức cấp xã:

+ Giai đoạn 2016 - 2020 đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho 4.000 cán bộ, công chức cấp xã, bình quân hàng năm đào tạo, bồi dưỡng khoảng 800 lượt cán bộ, công chức cấp xã.

+ Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội, bổ sung những kiến thức mới về lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn đáp

ứng yêu cầu lãnh đạo, điều hành chính quyền cấp xã trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Đối tượng

a) Lao động nông thôn trong độ tuổi lao động từ 15 tuổi đến 55 tuổi đối với nữ và từ 15 tuổi đến 60 tuổi đối với nam, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học thực sự, gồm:

- Người lao động có hộ khẩu thường trú, tạm trú tại xã 06 tháng trở lên.
- Người lao động có hộ khẩu thường trú tại phường, thị trấn đang trực tiếp làm nông nghiệp hoặc thuộc hộ gia đình có đất nông nghiệp, đất ở bị thu hồi.

Trong các đối tượng nêu trên, ưu tiên đào tạo nghề cho người lao động thuộc diện được ưu đãi gồm: Người có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số; người khuyết tật; người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất ở; người nhiễm chất độc da cam (dioxin) còn khả năng học nghề và lao động.

Trường hợp lao động nông thôn có độ tuổi lớn hơn tuổi quy định nêu trên nhưng không quá 65 tuổi, tính cho cả nam và nữ (trừ trường hợp đặc biệt) khi đăng ký học nghề thì phải có nhu cầu thật sự, có sức khỏe và phù hợp với nghề học, có đơn cam kết và được Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Phòng Nông nghiệp - Phát triển nông thôn (Phòng Kinh tế) cấp huyện phối hợp với UBND xã, phường, thị trấn thẩm định xác nhận và trình Trưởng ban Ban Chỉ đạo Đề án cấp huyện phê duyệt. Không để xảy ra tình trạng đăng ký học nghề để được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

b) Cán bộ chuyên trách Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội; cán bộ, công chức và những người hoạt động chuyên môn tại xã, phường, thị trấn; cán bộ nguồn bổ sung thay thế cho cán bộ, công chức cấp xã đến tuổi nghỉ hưu hoặc do thiếu hụt độ tuổi phù hợp với quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016 - 2020 (gọi là CBCC cấp xã).

2. Phạm vi thực hiện Đề án

a) Đối với đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

- Lĩnh vực đào tạo nghề nông nghiệp:

Trồng trọt (các loại cây); kỹ thuật trồng nấm; kỹ thuật chăn nuôi gia cầm, gia súc, nuôi thủy sản, chế biến nông lâm - thủy sản; quản lý trang trại (hợp tác xã, tổ hợp tác); kỹ thuật chăm sóc cây,....

- Lĩnh vực đào tạo nghề phi nông nghiệp:

Cơ khí cắt gọt kim loại; hàn; đan lát thủ công; điện tử; tin học; điện dân dụng; cắt - uốn tóc; trang điểm căn bản; may công nghiệp; cắm hoa; sửa chữa và bảo trì máy may; dịch vụ nhà hàng - khách sạn; mộc mỹ nghệ; mộc dân dụng...

- Phương thức đào tạo:

Đào tạo tập trung tại địa bàn dân cư ấp, xã; kèm cặp trực tiếp tại các mô hình thực tế sản xuất nông nghiệp, tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp; tại

các cơ sở đào tạo tùy theo chương trình đào tạo đặc thù của từng nghề; đồng thời tạo điều kiện và khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo và cam kết sử dụng lao động sau tốt nghiệp, quy mô của một lớp học nghề tối đa không quá 35 người/lớp.

- Trình độ đào tạo: Dưới 03 tháng, sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

- Cơ sở đào tạo:

Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - thường xuyên, trường trung cấp, trường cao đẳng, cơ sở sản xuất kinh doanh, trang trại, trung tâm khuyến nông, khuyến công, doanh nghiệp có đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Tùy theo tình hình phát triển của địa phương, các ngành nghề và phương thức đào tạo sẽ được điều chỉnh thông qua điều tra khảo sát hàng năm, nhằm đáp ứng nhu cầu học nghề của các đối tượng thuộc phạm vi Đề án, cơ sở đào tạo lựa chọn phương thức đào tạo phù hợp tại địa phương. Đối với các nghề quy định đào tạo tập trung tại cơ sở đào tạo thì đơn vị đào tạo thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án cấp tỉnh).

b) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2016 - 2020:

- Lĩnh vực, chuyên ngành đào tạo: Đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho khoảng 4.000 CBCC cấp xã, thuộc các nhóm ngành nông nghiệp và phi nông nghiệp.

- Cơ sở đào tạo: Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, các trường cao đẳng, đại học trong và ngoài tỉnh đáp ứng chương trình đào tạo, bồi dưỡng đối với CBCC cấp xã.

III. THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CỦA ĐỀ ÁN

1. Người học được hỗ trợ chi phí đào tạo

a) Người khuyết tật. Mức tối đa 06 triệu đồng/người/khóa học.

b) Người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo ở các xã, thôn, ấp đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Mức tối đa 04 triệu đồng/người/khóa học.

c) Người dân tộc thiểu số; người được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo (theo chuẩn của tỉnh Đồng Nai ban hành từng thời kỳ hoặc giai đoạn); người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh; lao động nữ bị mất việc làm; người nhiễm chất độc da cam (dioxin) còn khả năng học nghề và lao động. Mức tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học.

d) Người lao động thuộc hộ cận nghèo (theo chuẩn của tỉnh Đồng Nai ban hành từng thời kỳ hoặc giai đoạn). Mức tối đa 2,5 triệu đồng/người/khóa học.

đ) Người lao động nông thôn khác (không thuộc các đối tượng nêu trên). Mức tối đa 02 triệu đồng/người/khóa học.

2. Người học được hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại

Đối tượng được hỗ trợ: Người được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng; người khuyết tật; người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo chuẩn của tỉnh Đồng Nai ban hành từng thời kỳ hoặc giai đoạn); người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất

việc làm; người nhiễm chất độc da cam (dioxin) còn khả năng học nghề và lao động tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng được hỗ trợ như sau:

a) Tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học.

b) Mức hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học, nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học.

3. Chế độ hỗ trợ khác

a) Ngoài các chế độ trên, lao động nông thôn thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hộ nghèo, cận nghèo (theo chuẩn của tỉnh Đồng Nai) được hỗ trợ 100% học phí để học các nghề thuộc lĩnh vực ngành nghề kỹ thuật như: Cơ khí, điện - điện tử, may mặc, thuộc danh sách các nghề ưu tiên đào tạo và thông qua hợp đồng cung cấp lao động kỹ thuật cao cho các khu công nghiệp trong nước. Giá học phí được tính theo yêu cầu đặt hàng đào tạo lao động kỹ thuật cao, mức tối đa 20 triệu đồng/khóa/người (khóa học dưới 12 tháng). Danh sách các đối tượng đi học và ngành nghề để ký hợp đồng đào tạo cung ứng lao động thông qua Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án cấp tỉnh xét duyệt, trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách.

b) Lao động nông thôn học nghề được vay vốn để học theo quy định hiện hành về tín dụng đối với học sinh, sinh viên tại Ngân hàng Chính sách xã hội ở địa phương.

c) Lao động nông thôn sau khi học nghề được Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm để tự tạo việc làm.

d) Lao động nông thôn là người dân tộc thiểu số thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hộ nghèo và hộ cận nghèo (theo chuẩn của tỉnh Đồng Nai) tham gia các khóa học trình độ trung cấp, cao đẳng được hưởng chính sách dạy nghề đối với học sinh dân tộc thiểu số nội trú.

4. Nguyên tắc được hỗ trợ

a) Mỗi lao động nông thôn chỉ được hỗ trợ học nghề một lần theo chính sách của Đề án này và chỉ được hưởng một mức hỗ trợ chi phí đào tạo cao nhất.

b) Những người đã được hỗ trợ học nghề theo các chính sách khác của Nhà nước thì không được tiếp tục hỗ trợ học nghề theo chính sách của Đề án này.

c) Đối với những người đã được hỗ trợ học nghề lần 1 nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan, có đơn đăng ký học nghề lần 2 và được xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn gửi cơ quan thường trực cấp huyện xem xét, trình Trưởng ban Chỉ đạo Đề án cấp huyện quyết định tiếp tục hỗ trợ học nghề lần 2. Trường hợp học nghề lần 3 thì Trưởng ban Ban Chỉ đạo Đề án cấp huyện gửi danh sách và kèm hồ sơ gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án cấp tỉnh) xem xét, trình UBND tỉnh phê duyệt, nhưng không quá 03 lần học nghề.

d) Không áp dụng (hỗ trợ) cho người lao động nông thôn khi đăng ký học nghề thuộc Đề án, gồm: Người lao động là công an, bộ đội, công chức, viên chức, giáo viên và nhân viên có hợp đồng từ 01 năm trở lên, có việc làm ổn định tại cơ quan nhà nước; người đã và đang đi học trung cấp, cao đẳng, đại học; học sinh đang học trung học phổ thông trên địa bàn; người lao động đang có việc làm ổn định tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp.

5. Mức chi phí đào tạo cho từng nghề và mức hỗ trợ cụ thể

Từng đối tượng tham gia học chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo thường xuyên (dưới 03 tháng), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan tham mưu, trình UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt phù hợp với chương trình, thời gian đào tạo thực tế và đặc thù từng vùng, địa phương.

6. Thực hiện chế độ đối với giáo viên, giảng viên

a) Giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề thường xuyên phải xuống xã hoặc thôn, ấp có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền ban hành, để dạy nghề với thời gian từ 15 ngày trở lên trong tháng được hưởng phụ cấp lưu động hệ số 0,2 so với mức lương tối thiểu chung như đối với giáo viên thực hiện công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục thường xuyên phải xuống thôn, ấp, tổ.

b) Giáo viên của các cơ sở dạy nghề công lập ở các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số được giải quyết nhà công vụ như đối với giáo viên ở các cơ sở giáo dục mầm non đến các cấp học phổ thông.

c) Giáo viên của các cơ sở dạy nghề ngoài công lập ở các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số được hỗ trợ tiền ở không quá 300.000 đồng/tháng khi dạy nghề nông thôn với thời gian từ 15 ngày trở lên trong tháng.

d) Người dạy nghề (cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các trung tâm khuyến nông, lâm, ngư, nông dân sản xuất giỏi tham gia dạy nghề lao động nông thôn) được trả tiền công giảng dạy với mức tối thiểu 50.000 đồng/giờ. Người dạy nghề là các tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực nông nghiệp, nghề nhân cấp tỉnh trở lên được trả tiền công giảng dạy với mức tối thiểu 500.000 đồng/buổi. Mức cụ thể về tiền công, ở và phương tiện đi lại do cơ sở dạy nghề quyết định.

đ) Xây dựng các tiêu chuẩn, chế độ, cơ chế đãi ngộ phù hợp để thu hút những người giỏi, có năng lực giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; những người hoạt động trên các lĩnh vực, mọi thành phần tham gia vào công tác đào tạo, bồi dưỡng; thu hút những người có năng lực đang công tác tại các cơ quan, đơn vị tham gia giảng dạy theo chế độ kiêm chức.

e) Đối với giáo viên, giảng viên dạy nghề tập trung cho lao động nữ thì chế độ, chính sách được thực hiện như các chính sách nêu trên.

7. Thực hiện chế độ đối với cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn

a) Tiếp tục hỗ trợ đầu tư thiết bị dạy nghề cho các trung tâm công lập tham gia đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nhằm đáp ứng được yêu cầu đảm bảo về số lượng và chất lượng dạy nghề theo ngành nghề tại địa phương; đồng thời đáp ứng nhu cầu của thị trường sử dụng lao động. Giai đoạn 2016 - 2020, mức hỗ trợ 03 tỷ đồng/trung tâm, từ nguồn ngân sách tỉnh được dự toán hàng năm trong tổng kinh phí thực hiện của Đề án.

b) Ưu tiên thực hiện đặt hàng đào tạo nghề (thông qua hợp đồng đào tạo) đối với các đơn vị dạy nghề (công lập và ngoài công lập) có đủ khả năng đào tạo ngành nghề phù hợp và giải quyết 100% việc làm cho lao động nông thôn theo nhu cầu tại địa phương, doanh nghiệp và xã hội.

c) Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập và ngoài công lập; các viện nghiên cứu, trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm khuyến nông, khuyến công, trang trại, nông trường, lâm trường, doanh nghiệp, hợp tác xã và các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ hoạt động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai... có đủ điều kiện dạy nghề cho lao động nông thôn được tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn được đăng ký hỗ trợ kinh phí biên soạn, cập nhật và cải tiến chương trình đào tạo, giáo trình, học liệu và đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy nghề, cán bộ quản lý phục vụ cho mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn Đồng Nai.

8. Thực hiện chế độ đối với cán bộ, công chức cấp xã theo Đề án

Thực hiện theo các quy định pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã.

IV. GIẢI PHÁP CỦA ĐỀ ÁN

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của đào tạo nghề

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã căn cứ nội dung Đề án xây dựng kế hoạch hoặc lập chương trình hành động cụ thể, đưa công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn vào nghị quyết của cấp ủy Đảng cùng cấp.

b) Các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các hội nghề nghiệp tăng cường tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tư vấn học nghề, việc làm miễn phí và vận động các thành viên trong tổ chức của mình tham gia học nghề.

c) Tăng cường tuyên truyền sâu rộng trên phương tiện thông tin đại chúng các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đào tạo nghề. Tuyên truyền vai trò, vị trí của đào tạo nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập để người lao động nông thôn biết và tích cực tham gia học nghề.

d) Đổi mới chương trình và nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông để học sinh có thái độ đúng đắn về học nghề và chủ động lựa chọn các loại hình học nghề phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của mình.

2. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động rà soát, phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo, trong đó chú trọng phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo cho lao động nông thôn (cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tư thục, cơ sở dạy nghề tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, nông lâm trường, vùng chuyên canh, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiểu thủ công mỹ nghệ) theo nghề và cấp trình độ đào tạo đến năm 2020:

- Đầu tư nâng cao năng lực của các trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập chưa đáp ứng nhu cầu cung cấp lao động cho địa phương.

- Đẩy mạnh xã hội hóa dạy nghề theo hướng khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư thành lập cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn. Thu hút các cơ sở dạy nghề tư thục, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập và ngoài công lập, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tham gia hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn.

b) Huy động các trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của các Bộ, sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh tham gia công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã. Cập nhật kiến thức, kỹ năng, đào tạo mới cho cán bộ tham gia quản lý điều hành hoạt động thuộc phạm vi đề án của các ngành, các cấp, theo hướng xã hội hóa có sự hỗ trợ của Nhà nước (đặt hàng đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu).

3. Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý

a) Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề:

- Tiến hành điều tra, khảo sát, đánh giá đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề để có kế hoạch đào tạo và tuyển dụng đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng và cơ cấu nghề đào tạo.

- Huy động các nhà khoa học, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh, các trung tâm khuyến nông, khuyến công, nông dân sản xuất giỏi tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn.

- Tổ chức đào tạo nghiệp vụ sư phạm và bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề để hỗ trợ cho các trung tâm giáo dục nghề nghiệp chưa có giáo viên cơ hữu hoặc đơn vị có tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và nghiệp vụ tư vấn chọn nghề, kỹ năng phối hợp giới thiệu việc làm để phục vụ đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

b) Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức cấp xã:

- Xây dựng các tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ, chính sách, cơ chế đãi ngộ, thu hút những người có năng lực đang công tác tại các cơ quan, đơn vị liên quan tham gia giảng dạy, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức cấp xã theo chế độ kiêm chức.

- Cập nhật, đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho giáo viên, giảng viên của hệ thống các trường chính trị tỉnh, các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của các Bộ, ngành và các trường đại học, cao đẳng đáp ứng với chương trình, nội dung giảng dạy trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Kiện toàn tổ chức, biên chế, bổ sung lực lượng giáo viên, giảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã, đặc biệt chú trọng đến trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thuộc cấp tỉnh.

4. Phát triển chương trình, giáo trình, học liệu

a) Phát triển chương trình, giáo trình, học liệu đào tạo nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề thường xuyên; nghiên cứu và xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề để đầu tư, nhằm đào tạo phù hợp, hiệu quả cho từng đối tượng lao động nông thôn:

- Đổi mới và phát triển chương trình, giáo trình, học liệu đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo yêu cầu của thị trường lao động, thường xuyên cập nhật kỹ thuật, công nghệ mới.

- Thu hút các nhà khoa học, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh, các trung tâm khuyến nông, khuyến công, nông dân sản xuất giỏi tham gia xây dựng chương trình, giáo trình, học liệu đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Triển khai các chương trình, học liệu đào tạo nghề trình độ sơ cấp nghề và dạy nghề thường xuyên; danh mục thiết bị đào tạo nghề của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

b) Cập nhật và điều chỉnh chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã:

Trên cơ sở nội dung chương trình giảng dạy do Trung ương ban hành, điều chỉnh, bổ sung chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng phù hợp cho từng đối tượng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh theo từng vùng, địa phương, từng giai đoạn phát triển đến năm 2020.

5. Tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn

a) Việc tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn (bao gồm cả đào tạo nghề nông nghiệp và đào tạo nghề phi nông nghiệp) chủ yếu là dạy thực hành và được thực hiện tại nơi sản xuất. Thời gian đào tạo phải phù hợp với nghề đào tạo, đặc điểm của quy trình sản xuất, quy trình sinh trưởng của cây trồng vật nuôi ở từng địa phương và phù hợp với nhu cầu người học.

b) Các nghề đào tạo cho lao động nông thôn đa dạng, cụ thể theo nhu cầu của người học và thực tiễn sản xuất; từ đào tạo một công đoạn, một kỹ năng nghề nhất định đến đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ một cách đầy đủ, toàn diện theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

c) Tổ chức lồng ghép, huy động các nguồn lực trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn một cách linh hoạt, phù hợp giữa các đề án, chương trình, nhất là chương trình phổ biến, nâng cao kiến thức khoa học kỹ thuật cho cộng đồng, giữa

các chính sách khác nhau, các đối tượng đào tạo, các địa phương; lồng ghép với các vấn đề về giới, về môi trường, văn hóa, xã hội, kiến thức kinh doanh linh hoạt, phù hợp với đối tượng người học trong quá trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

d) Thu hút các cơ sở có đủ điều kiện tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn, không phân biệt cơ sở công lập hay ngoài công lập. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp chủ động đào tạo, nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề cho người lao động.

đ) Tổ chức và nhân rộng các mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo các mô hình đã thí điểm có hiệu quả, gắn đào tạo nghề với hỗ trợ vốn sản xuất, tạo việc làm cho lao động nông thôn.

6. Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát

Thường xuyên đánh giá việc thực hiện Đề án ở cấp huyện, cấp xã, đơn vị có tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn hàng năm, giữa kỳ và cuối kỳ.

V. THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN (đính kèm Phụ lục)

1. Tổ chức dạy nghề cho lao động nông thôn

a) Hoạt động 1: Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh, nội dung chủ yếu:

- Phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về dạy nghề cho lao động nông thôn.

- Tuyên truyền về dạy nghề lao động nông thôn trên phương tiện thông tin đại chúng.

- Biên soạn, cập nhật, điều chỉnh tài liệu và tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, vận động đối với đội ngũ tuyên truyền viên là cán bộ của Hội Nông dân tỉnh trên cơ sở các tài liệu của Trung ương ban hành.

- Tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn.

- Tổ chức biểu dương, tôn vinh, khen thưởng đối với những người có nhiều đóng góp trong công tác dạy nghề cho lao động nông thôn.

- Kinh phí dự kiến: Giai đoạn 2016 - 2020: 1.350 triệu đồng.

b) Hoạt động 2: Hàng năm rà soát, cập nhật, bổ sung đánh giá, xác định nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn, nội dung chủ yếu:

- Rà soát, cập nhật, bổ sung danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn.

- Rà soát, xác định nhu cầu học nghề của lao động nông thôn theo từng nghề và cấp trình độ.

- Rà soát, xác định nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề (số lượng, cơ cấu, trình độ đào tạo) của các doanh nghiệp, các ngành kinh tế và thị trường sử dụng lao động trên địa bàn.

- Rà soát, xác định nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn để thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới và nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Rà soát, đánh giá năng lực đào tạo của các cơ sở dạy nghề cho lao động nông thôn gồm: Nghề đào tạo, chương trình, học liệu, giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề và cơ sở vật chất trang thiết bị dạy nghề để xác định các cơ sở có đủ điều kiện tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn.

- Kinh phí dự kiến: Giai đoạn: 2016 - 2020: 2.000 triệu đồng.

c) Hoạt động 3: Thực hiện mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn được lồng ghép gắn với chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới, khuyến công, khuyến nông và các dự án được phê duyệt của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai. Các đơn vị, tổ chức được giao quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện báo cáo hàng năm về Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

d) Hoạt động 4: Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề đối với các cơ sở dạy nghề công lập, nội dung chủ yếu:

- Tiếp tục đầu tư thiết bị dạy nghề cho các trung tâm công lập cấp huyện tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Kinh phí được cân đối từ nguồn ngân sách địa phương trong tổng kinh phí thực hiện Đề án hàng năm.

- Kinh phí dự kiến: Giai đoạn 2016 - 2020: 27.000 triệu đồng.

d) Hoạt động 5: Phát triển chương trình, giáo trình, học liệu và xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề, nội dung chủ yếu:

Ngoài các chương trình do Trung ương ban hành, tùy theo ngành nghề đặc thù của tỉnh, Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án cấp tỉnh xem xét, quyết định ngành nghề cần xây dựng chương trình như sau:

- Xây dựng 50 chương trình, học liệu (mỗi năm xây dựng 10 chương trình) dạy nghề theo mô đun (giáo trình, tài liệu hướng dẫn, băng, đĩa hình...) để đào tạo trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 03 tháng theo yêu cầu của thị trường sử dụng lao động.

- Kinh phí dự kiến: Giai đoạn 2016 - 2020: 1.000 triệu đồng (mỗi chương trình 200 triệu đồng).

e) Hoạt động 6: Phát triển giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề, nội dung chủ yếu:

- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm nghề và nâng cao kỹ năng nghề cho 100 giáo viên đang dạy nghề trình độ sơ cấp nghề và cán bộ quản lý cơ sở dạy nghề về nghiệp vụ tư vấn học nghề, tư vấn việc làm.

- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm nghề, kỹ năng nghề và kiến thức khởi sự kinh doanh cho 100 người để bổ sung giáo viên dạy nghề cho các trung tâm giáo dục nghề nghiệp mới thành lập và các trung tâm dạy nghề đã thành lập nhưng chưa đủ cơ số giáo viên, cơ hữu.

- Bồi dưỡng cho cán bộ nghiệp vụ địa phương xã, ấp về nghiệp vụ quản lý và tư vấn chọn nghề, tìm và tự tạo việc làm cho lao động nông thôn cho 500 lượt người.

- Kinh phí dự kiến: Giai đoạn 2016 - 2020: 1.000 triệu đồng (mỗi năm 200 triệu đồng).

g) Hoạt động 7: Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề, nội dung chủ yếu:

- Hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, dưới 03 tháng và đặt hàng dạy nghề cho 20.000 lao động nông thôn (bình quân 03 triệu đồng/khóa, tính cả hỗ trợ tiền ăn và đi lại cho người lao động thuộc diện chính sách).

- Kinh phí dự kiến: Giai đoạn 2016 - 2020: 60.000 triệu đồng.

h) Hoạt động 8: Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án, nội dung chủ yếu:

- Thiết lập phương pháp thu thập và xử lý thông tin, quản lý kinh phí Đề án ở các đơn vị được giao kinh phí thực hiện Đề án; nâng cao năng lực xây dựng kế hoạch, quản lý, triển khai và tổ chức thực hiện Đề án ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, các đơn vị có tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Tổ chức, thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án ở cấp huyện, cấp xã, đơn vị tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn hàng năm, giữa kỳ và cuối kỳ.

- Thực hiện cơ chế giám sát của Hội Nông dân tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh về tổ chức dạy nghề cho lao động nông thôn.

- Báo cáo, tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung Đề án; tình hình quản lý và sử dụng ngân sách của Đề án, ở các sở, ban, ngành, cấp huyện và đơn vị dạy nghề được giao kinh phí triển khai thực hiện Đề án.

- Kinh phí dự kiến giai đoạn 2016 - 2020: 1.000 triệu đồng.

2. Nguồn vốn cho lao động nông thôn vay sau học nghề

Hàng năm, tùy theo tình hình ngân sách địa phương, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bổ sung nguồn vốn vay giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, kinh phí giao về Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh cho lao động nông thôn vay sau khi tốt nghiệp khóa đào tạo nghề, để đầu tư vào sản xuất, kinh doanh hoặc tự tạo việc làm, nâng cao thu nhập và ổn định cuộc sống.

3. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã

a) Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho khoảng 4.000 lượt CBCC cấp xã trong giai đoạn 2016 - 2020.

b) Kinh phí dự kiến: Giai đoạn 2016 - 2020: 5.000 triệu đồng.

VI. KINH PHÍ VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN

1. Tổng kinh phí thực hiện Đề án từ ngân sách nhà nước dự kiến giai đoạn 2016 - 2020 là 98.350 triệu đồng, chia ra:

a) Kinh phí thực hiện 08 hoạt động đào tạo nghề lao động nông thôn: 93.350 triệu đồng (trong đó không tính hoạt động số 03 về mô hình lồng ghép với các chương trình, dự án khác hỗ trợ vào Đề án).

b) Kinh phí cho lao động nông thôn vay vốn sau học nghề, hàng năm căn cứ vào tình hình ngân sách nhà nước của tỉnh sẽ bố trí phù hợp với điều kiện thực tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

c) Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã: 5.000 triệu đồng.

2. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2016 - 2020

Từ nguồn ngân sách tỉnh phê duyệt giai đoạn 2016 - 2020 và hàng năm (không tính nguồn vốn xây dựng cơ bản cho các trung tâm công lập trên địa bàn tỉnh đến năm 2020).

3. Quản lý và sử dụng tài chính của Đề án

Trên cơ sở ngân sách nhà nước của tỉnh, phân bổ kinh phí cho Đề án thực hiện hàng năm, Ban Chỉ đạo Đề án cấp tỉnh quyết định giao kinh phí cho các đơn vị thực hiện như sau:

a) Kinh phí các hoạt động để đào tạo nghề cho lao động nông thôn:

- Kinh phí hoạt động 1: Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng kế hoạch, đề xuất giao một phần kinh phí cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội Nông dân tỉnh chủ trì, sử dụng, quyết toán theo quy định hoặc phối hợp với cơ quan báo, đài để tuyên truyền và báo cáo về Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án cấp tỉnh.

- Kinh phí hoạt động 2: Hàng năm, khảo sát, thống kê và dự báo nhu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn giao cho UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ trì, sử dụng, quyết toán theo quy định và báo cáo về Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án cấp tỉnh.

- Kinh phí hoạt động 3: Nguồn kinh phí đưa vào thực hiện mô hình dạy nghề cho lao động nông thôn được lồng ghép gắn với chương trình, kế hoạch, đề án, dự án thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao của UBND tỉnh. Đơn vị, tổ chức được giao chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện, hàng năm báo cáo về Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Kinh phí hoạt động 4: Tăng cường trang thiết bị dạy nghề cho các trung tâm dạy nghề công lập; căn cứ tình hình thực tế theo tổng số nguồn vốn sự nghiệp được dự toán trong tổng kinh phí UBND tỉnh giao thực hiện đề án hàng năm; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai thực hiện theo quy định và báo cáo Trưởng ban Ban Chỉ đạo Đề án cấp tỉnh.

- Kinh phí hoạt động 5: Phát triển chương trình, giáo trình, học liệu và xây dựng danh mục thiết bị dạy nghề giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện theo quy định và báo cáo về Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án cấp tỉnh.

- Kinh phí hoạt động 6: Phát triển giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, thực hiện theo quy định và báo cáo về Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án cấp tỉnh.

- Kinh phí hoạt động 7: Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề, nguồn kinh phí thực hiện như sau:

+ Kinh phí dạy nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng giao cho UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ trì, triển khai thực hiện có hiệu quả và báo cáo về Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

+ Một phần kinh phí đặt hàng đào tạo nghề cho đối tượng lao động nông thôn có nhu cầu chuyển đổi nghề để đi làm việc tại các doanh nghiệp, đào tạo thông qua hợp đồng với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp tham gia dạy nghề nông thôn, giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, thực hiện và báo cáo về Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án cấp tỉnh.

- Kinh phí hoạt động 8: Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án, giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện theo quy định và báo cáo về Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án cấp tỉnh.

b) Nguồn vốn cho vay sau khi học nghề để giải quyết việc làm:

Khi UBND tỉnh phân bổ dự toán nguồn vốn cho vay sau khi học nghề, giao cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh có trách nhiệm theo dõi và quản lý nguồn vốn giải quyết việc làm của địa phương theo quy định hiện hành.

c) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã:

Nguồn kinh phí để thực hiện: Xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng; phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã giao cho Sở Nội vụ chủ trì, thực hiện theo quy định và báo cáo về Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án cấp tỉnh.

d) Hàng năm, các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch đào tạo, cân đối ngân sách bổ sung vào Đề án để thực hiện chính sách hỗ trợ cho lao động nông thôn học nghề và hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo Đề án này.

đ) Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp được giao kinh phí thực hiện những nội dung hoạt động thuộc Đề án, quản lý, sử dụng và quyết toán theo các văn bản hướng dẫn của Trung ương và UBND tỉnh ban hành liên quan đến Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.

e) Ngoài nguồn kinh phí ngân sách nhà nước phân bổ để thực hiện Đề án, các đơn vị chủ động huy động thêm nguồn lực hợp pháp của các tổ chức quốc tế, các cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp, cá nhân và cộng đồng để bổ sung cho việc thực hiện Đề án (các doanh nghiệp được trừ để tính thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật đối với các khoản chi phí, hỗ trợ của doanh nghiệp cho dạy nghề).

g) Báo cáo tài chính: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp được UBND tỉnh giao chủ trì để thực hiện kinh phí Đề án, định kỳ 06 tháng, hàng năm báo cáo về Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án cấp tỉnh tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm các sở, ban, ngành của tỉnh

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Là cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án cấp tỉnh; chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành liên quan điều phối và hướng dẫn tổ chức thực hiện các chế độ, giải pháp và hoạt động của

Đề án, đồng thời xác định nhu cầu kinh phí hàng năm và từng giai đoạn của Đề án gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình UBND tỉnh.

- Hướng dẫn các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa xây dựng kế hoạch, dự toán nhu cầu kinh phí dạy nghề cho lao động nông thôn hàng năm, 05 năm; tổng hợp nhu cầu kinh phí gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để trình UBND tỉnh đưa vào dự toán ngân sách nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dự kiến phân bổ kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại các huyện, thị xã, thành phố, các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, cơ sở dạy nghề liên quan gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

- Chủ trì chỉ đạo và chịu trách nhiệm về việc tổ chức đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn.

- Kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án do Ban Chỉ đạo cấp tỉnh giao, định kỳ 06 tháng, hàng năm tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo và UBND tỉnh tình hình triển khai thực hiện Đề án.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì chỉ đạo và chịu trách nhiệm về việc tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức xây dựng mới hoặc điều chỉnh bổ sung danh mục nghề, chương trình đào tạo các nghề nông nghiệp trình độ sơ cấp và dạy nghề thường xuyên.

- Chỉ đạo, hướng dẫn nhiệm vụ đào tạo nghề hàng năm và từng giai đoạn cho các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, xác định nhu cầu, xây dựng kế hoạch theo hướng gắn kết công tác đào tạo nghề với việc thực hiện quy hoạch sản xuất nông nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện và Đề án "Tái cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh Đồng Nai theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030".

- Tổng hợp kế hoạch, nhu cầu kinh phí hàng năm và từng giai đoạn về đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp chung.

- Chỉ đạo hệ thống trung tâm khuyến nông tham gia dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

- Chỉ đạo hướng dẫn việc cung cấp thông tin thị trường hàng hóa, hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp đến cấp xã.

- Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất chế độ hỗ trợ về dạy nghề cho lao động nông thôn; phân bổ kinh phí dạy nghề cho lao động nông thôn và chịu trách nhiệm về việc chỉ đạo thực hiện nguồn vốn đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; định kỳ 06 tháng, hàng năm báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

c) Sở Nội vụ:

- Chủ trì tổ chức thực hiện, chỉ đạo việc đánh giá, tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo các mục tiêu Đề án; đề xuất sửa đổi, bổ sung chế độ hỗ trợ về đào tạo cán bộ, công chức cấp xã; cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã phù hợp với từng đối tượng, từng vùng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tổng hợp nhu cầu kinh phí hàng năm về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã trong phạm vi Đề án gửi Thường trực Ban Chỉ đạo để tổng hợp.

- Tổ chức, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố tiến hành quy hoạch cán bộ, công chức cấp xã và xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2016 - 2020.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan trong việc nghiên cứu đề xuất những chương trình, nội dung kiến thức, kỹ năng cần phải trang bị cho cán bộ, công chức cấp xã, kể cả kiến thức cập nhật và điều chỉnh các nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiên cứu đề xuất tiêu chuẩn, chế độ, cơ chế đãi ngộ giảng viên.

- Phối hợp Sở Tài chính rà soát, đề xuất, bổ sung cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã phù hợp với từng đối tượng, từng vùng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã; định kỳ hàng năm báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo để tổng hợp.

d) Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Đề xuất đổi mới chương trình và nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông để học sinh có thái độ đúng đắn về giáo dục nghề nghiệp và chủ động lựa chọn các loại hình đào tạo nghề sau khi tốt nghiệp phổ thông.

- Chỉ đạo các cơ sở đào tạo trong ngành giáo dục thuộc phạm vi quản lý chủ động tham gia các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Phối hợp Sở Nội vụ lựa chọn cho các cơ sở đào tạo trong ngành giáo dục tham gia bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã.

đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính và các sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh về nguồn vốn và khả năng cân đối để thực hiện Đề án. Tham gia kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng kinh phí thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

e) Sở Tài chính:

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Trung ương, chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư để hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính, đầu tư đối với các chính sách, hoạt động trong Đề án. Đề xuất bố trí vốn sự nghiệp hàng năm của Đề án, phối hợp kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án.

g) Sở Công Thương:

- Chủ trì cung cấp thông tin thị trường hàng hóa, hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm tiêu thụ công nghiệp cho lao động nông thôn đến cấp xã.

- Chủ trì đề xuất nội dung chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý của các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn và đào tạo nghề, truyền nghề, phát triển nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu của các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.

- Chỉ đạo Trung tâm khuyến công tổ chức các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

h) Sở Thông tin và Truyền thông:

Phối hợp Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan báo chí đẩy mạnh thực hiện công tác tuyên truyền theo Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” tỉnh Đồng Nai.

i) Ban Dân tộc:

- Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất đối với người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo ở các xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc gắn kết với hoạt động đào tạo nghề và tổ chức nhân rộng mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn vùng dân tộc thiểu số.

- Phối hợp các sở, ban, ngành liên quan trong việc tổ chức thực hiện các nội dung của Đề án này liên quan đến chức năng nhiệm vụ của mình.

- Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, giám sát, tổng hợp nhu cầu, kết quả, hiệu quả đào tạo nghề đối với người dân tộc thiểu số.

k) Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh:

- Thực hiện cho vay đối với lao động nông thôn học nghề có nhu cầu vay vốn để đi học nghề từ chương trình tín dụng học sinh, sinh viên theo quy định hiện hành.

- Thực hiện cho vay vốn ưu đãi đối với lao động nông thôn sau đào tạo nghề để giải quyết việc làm hoặc vay vốn để khởi nghiệp từ Quỹ quốc gia về việc làm theo cơ chế cho vay giải quyết việc làm hiện hành.

- Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh có trách nhiệm theo dõi quản lý nguồn vốn giải quyết việc làm của địa phương theo quy định hiện hành. Định kỳ hàng quý, 06 tháng, năm báo cáo theo quy định.

l) Các sở, ban, ngành liên quan:

Chỉ đạo các đơn vị đào tạo thuộc phạm vi quản lý, chủ động tham gia các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo kế hoạch thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

2. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa

a) Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện triển khai Đề án và chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn.

b) Chỉ đạo các trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm văn hóa trong phạm vi quản lý, chủ động phối hợp tham gia các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo kế hoạch được phê duyệt trên địa bàn huyện.

c) Xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm, trong đó xác định cụ thể các nội dung:

- Xây dựng danh mục nghề đào tạo, kế hoạch dạy nghề trên cơ sở nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và của thị trường sử dụng lao động trong và ngoài nước; quy hoạch xây dựng nông thôn mới; nhiệm vụ tái cơ cấu từng ngành, từng lĩnh vực và giảm nghèo bền vững.

- Phối hợp các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh, các tổ chức khác trên địa bàn huyện và doanh nghiệp; các viện nghiên cứu, trung tâm khuyến công, trung tâm khuyến nông, lâm, ngư, trang trại, nông trường, lâm trường, doanh nghiệp, hợp tác xã và các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ... có đủ điều kiện dạy nghề cho lao động nông thôn theo chính sách của Đề án này.

d) Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã hàng năm trên cơ sở xây dựng kế hoạch hàng năm của Sở Nội vụ tỉnh.

đ) Sử dụng có hiệu quả kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã.

e) Chỉ đạo các Đài truyền thanh của huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn chương trình xây dựng nông thôn mới.

g) Sắp xếp và bố trí cán bộ có chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, kỹ thuật, có kinh nghiệm về công tác giáo dục - đào tạo theo dõi chuyên trách quản lý công tác dạy nghề cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

h) Chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện Đề án trên địa bàn và định kỳ 06 tháng, hàng năm báo cáo tình hình thực hiện Đề án gửi đến các đơn vị gồm:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án cấp tỉnh và UBND tỉnh.

- Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp, báo cáo Thường ban Ban Chỉ đạo Đề án cấp tỉnh và UBND tỉnh.

3. Trách nhiệm của UBND các xã, phường, thị trấn

a) Phối hợp Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã, thành phố thực hiện kế hoạch dạy nghề của huyện, thị xã, thành phố phù hợp với chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

b) Thống kê các đối tượng được hưởng chính sách người có công, bộ đội xuất ngũ, dân quân tự vệ, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, người trực tiếp lao động trong các hộ sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất canh tác và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn quản

lý, đang trong độ tuổi lao động chưa qua đào tạo nghề, có nhu cầu học nghề để được tư vấn đăng ký học nghề theo quy định của Đề án.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chính sách dạy nghề cho các đối tượng thuộc Đề án ở địa phương đúng mục đích, đúng đối tượng.

d) UBND cấp xã có làng nghề chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển ngành nghề theo chỉ đạo của UBND các huyện, thị xã, thành phố, các sở, ban, ngành cấp tỉnh. Hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh ngành nghề nông thôn đăng ký kinh doanh và thực hiện theo quy định của pháp luật về phát triển ngành nghề nông thôn đúng theo quy hoạch.

đ) Lồng ghép các chương trình triển khai thực hiện trên địa bàn cấp huyện, cấp xã nhằm hỗ trợ cho ngành nghề nông thôn như: Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực và tạo việc làm, giảm nghèo bền vững,...

e) Phối hợp với các cơ sở được giao nhiệm vụ dạy nghề cho lao động nông thôn để tuyển lao động nông thôn học nghề đủ điều kiện; có trách nhiệm xác nhận vào đơn xin học nghề của người lao động nông thôn trong xã về đối tượng theo quy định và các điều kiện để làm việc theo nghề đăng ký học.

g) Tạo điều kiện cho người học nghề tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng tại địa phương theo quy định; giúp người lao động tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc giải quyết việc làm sau học nghề.

h) Lập danh sách theo dõi, thống kê số người đã học nghề, số người có việc làm theo từng hình thức, số hộ thoát nghèo, số hộ trở thành hộ khá, số người chuyển sang làm công nghiệp, dịch vụ sau khi học nghề trên địa bàn cấp xã.

i) Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức đoàn thể của xã, thôn tham gia vào việc tuyên truyền, tư vấn học nghề cho lao động nông thôn và giám sát các lớp dạy nghề ở cấp xã.

k) Định kỳ 06 tháng, hàng năm, 05 năm xây dựng báo cáo tình hình thực hiện trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã theo các nội dung nêu trên và hàng năm đề xuất khen thưởng các lập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong thực hiện Đề án trên địa bàn cấp xã, gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp

a) Hội Nông dân tỉnh chủ trì tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, quán triệt Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 và Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Đề án của tỉnh và các văn bản có liên quan, qua đó vận động các hộ nông dân tích cực tham gia lựa chọn học nghề cho các thành viên trong gia đình; tư vấn miễn phí về dạy nghề, việc làm, thành lập doanh nghiệp, trang trại và cơ sở sản xuất, kinh doanh; tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn gắn với các mô hình nông dân sản xuất giỏi, kinh doanh giỏi, chương trình xây dựng nông thôn mới và giám sát tình hình thực hiện Đề án.

b) Tỉnh đoàn Đồng Nai tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về học nghề và tạo việc làm cho lao động nông thôn trong Đề án này vào các nội dung phù hợp với chương trình xây dựng nông thôn mới và chính sách hỗ trợ

thanh niên học nghề và tạo việc làm do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, tham gia tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

c) Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về học nghề và tạo việc làm cho lao động nữ nông thôn trong Đề án này vào các nội dung phù hợp với chương trình xây dựng nông thôn mới và chính sách hỗ trợ phụ nữ học nghề và tạo việc làm do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tham gia tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

d) Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về giáo dục nghề nghiệp trong công nhân lao động và đào tạo nghề trong Đề án này vào các nội dung phù hợp của Đề án “Nâng cao năng lực của các cơ sở doanh nghiệp của tổ chức công đoàn đến năm 2020”; tham gia tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

đ) Hội Cựu chiến binh tỉnh chủ trì tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, vận động cựu chiến binh tham gia học nghề và phối hợp Hội Nông dân tỉnh thực hiện giám sát việc tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

e) Hội Khuyến học tỉnh tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nghề gắn với các mô hình học tập vào các nội dung phù hợp của Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020”.

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc; đề nghị các sở, ban, ngành, địa phương gửi văn bản về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án cấp tỉnh) để tổng hợp, đề xuất báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hòa Hiệp

	Hoạt động 8: Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án	Triệu đồng	1.000	200	200	200	200	200	200	
2	Nguồn vốn cho lao động nông thôn vay sau học nghề	Tùy tình hình ngân sách nhà nước của tỉnh hàng năm								
3	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã	Triệu đồng	5.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	
	Tổng cộng: 1+2+3		98.350	19.670	19.670	19.670	19.670	19.670	19.670	19.670

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hòa Hiệp